

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HC-ST
Ngày: 13-6-2025
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Lập
- Ông Đinh Công Khanh

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thu Hường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Kim Thoa- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-HC ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2025/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; *Địa chỉ:* ấp F, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phạm Quốc M, sinh năm 1998; *Địa chỉ:* ấp E, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh T, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Văn C, Chức vụ: Phó Giám đốc

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: bà Nguyễn Thị Anh T1 – Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp Văn phòng đăng ký đất đai.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1972; *Địa chỉ:* ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

3.2. Bà Lâm Thị Tuyết D, sinh năm 1971; *Địa chỉ*: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1972; *Địa chỉ*: ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

3.3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; *Địa chỉ*: ấp F, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H trình bày tại Đơn khởi kiện ghi ngày 20/4/2024 như sau:

Vào khoảng năm 1989 ông Nguyễn Văn Hải sản X1 trên phần đất thuộc các thửa 79, 99, 135 từ đường nước đến rọc đứng. Đến năm 1991, Nhà nước cấp cho ông Lê Quang C1, các thửa 98, 736, 735 và thửa 734 cấp cho bà Nguyễn Thị Đ nhưng những hộ vừa nêu đã bỏ hoang đất. Đến năm 1995 Nhà nước đào kênh sáng qua ngang đất ông. Ông Nguyễn Văn L là cha của ông Nguyễn Văn A đến khai thác thửa 98. Tại thời điểm đó UBND Tân Lập đình chỉ việc ông Nguyễn Văn L sử dụng thửa 98 và xem xét đất hoang sẽ giao cho người liên canh để tiện cho việc canh tác, sản xuất. Về thửa 734 của bà Đ, năm 1995 đã “bán cho bà Lâm Thị Tuyết D. Bà Tuyết D đã đăng ký quyền sử dụng đất năm 1997. Sau đó đã được ủy ban nhân dân xã T giao cho ông H. Hai thửa 98, 734, ông H đã khai hoang, sản xuất liên tục ổn định từ năm 1995 đến nay, không ai tranh chấp. Vào năm 2014, ông Nguyễn Văn Hải đăng K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 19/5/2014 thửa đất 98, 734, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã T, huyện M, tỉnh Long An. Vừa qua, khi làm thủ tục hành chính tặng cho con, thì được cán bộ địa chính xã cho biết các thửa đất 98, 734 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn A và bà Lâm Thị Tuyết D. Ông đã làm đơn yêu cầu hòa giải và được ủy ban nhân dân xã T2 hòa giải ngày 30/11/2023.

Người khởi kiện yêu cầu:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CQ 887109, số vào sổ cấp GCN: CS01202 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 30/01/2019 cấp cho ông Nguyễn Văn A.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CQ 887221, số vào sổ cấp GCN: CS01236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 07/3/2019 cho bà Lâm Thị Tuyết D.

Ông Phạm Quốc M đại diện cho ông Nguyễn Văn H không đồng ý trả tiền đóng thủy lợi phí theo yêu cầu của ông A và bà D.

Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L(Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) trình bày tại Văn bản số 0562/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 29/4/2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án số 56/2025/TLST-HC và số 57A/TA-HC ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh

Long An về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” giữa người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H, người bị kiện là Sở T (nay là Sở N).

Đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CQ 887109, sổ vào sổ cấp GCN: CS 01202 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 30/01/2019 cho ông Nguyễn Văn A; Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CQ 887221, sổ vào sổ cấp GCN: CS 01236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 07/3/2019 cho bà Lâm Thị Tuyết N.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 4, xã T, huyện M (Giấy chứng nhận số phát hành CQ 887109, sổ vào sổ CS 01202 ngày 30/01/2019)

Ngày 04/10/1997, UBND huyện M ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông (bà) Nguyễn Văn A số phát hành L 414021 (sổ vào sổ 00769 (QSDĐ/1211-LA) gồm 06 thửa, trong đó có thửa đất số 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688 m², loại đất thổ, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Ngày 04/01/2019, ông Nguyễn Văn A có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688 m², loại đất thổ thành loại đất số 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688 m², loại đất ở tại nông thôn. Hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện M thụ lý, xét thấy hồ sơ đủ điều kiện, hợp lệ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện M chuyển hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký đất đai trình Sở T (nay là Sở N) ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ 887109 (sổ vào sổ CS 01202) ngày 30/01/2019 cho ông Nguyễn Văn A là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định.

2. Đối với thửa đất số 35, 36, 50, 734, tờ bản đồ số 4, xã T, huyện M

(Giấy chứng nhận số phát hành CQ 887221, sổ vào sổ CS 01236 ngày 07/3/2019)

Ngày 09/9/1997, bà Lâm Thị Tuyết D được UBND huyện M ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành L 217563 (sổ vào sổ 06050QSDĐ/1211-LA) gồm thửa đất số 35, diện tích 11130 m²; thửa đất số 36, diện tích 17017 m²; thửa đất số 50, diện tích 7234 m² cùng tờ bản đồ số 4, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Ngày 20/02/2019, bà Lâm Thị Tuyết D có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 35, diện tích 11130 m² thành thửa đất số 35, diện tích 10727 m² (giảm 403 m² do mở rộng kênh); Thửa đất số 50, diện tích 7234 m² được tách thành thửa đất số 50, diện tích 5854 m² và thửa đất mới số 734, diện tích 417 m² và được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CQ 887221 (sổ vào sổ CS 01236) ngày 07/3/2019 gồm: Thửa đất số 35, diện tích 10727 m²; thửa đất số 36, diện tích

17017 m²; thửa đất số 50, diện tích 5854 m² và thửa đất số 734, diện tích 417 m², cùng mục đích chuyển tưới tiêu, dẫn nước.

Ngày 25/6/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện M ký chỉnh lý thửa đất số 35, diện tích 10727 m² hợp với thửa đất số 50, diện tích 5854 m² thành thửa đất mới số 891, diện tích 16581 m² và được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 857703 (sổ vào sổ CS 02280) ngày 01/7/2021 cho bà Lâm Thị Tuyết D.

Ngày 12/5/2022, bà Lâm Thị Tuyết D chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 36, diện tích 17017 m² cho ông Nguyễn Phi B theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C2 công chứng số 2515, quyển số 05/2022TP/CC-SCC/HBGD và được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 819857 (sổ vào sổ CS 02447) ngày 14/6/2022. Diện tích đất còn lại của bà Lâm Thị Tuyết D trong Giấy chứng của thửa đất số 734 là 417 m².

Việc Sở T (nay là Sở N) ký cấp Giấy chứng nhận số phát hành CQ 887221 (sổ vào sổ CS 01236) ngày 07/3/2019 cho bà Lâm Thị Tuyết D là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày:
ông H là người sử dụng thửa 98 và thửa 734 từ trước đến nay. Nhưng từ khi được cấp giấy thì ông A và bà D phải đóng thuế, thu lệ phí, phí tạo nguồn, tiền làm kinh. Nay ông có ý kiến đề nghị ông H phải trả lại cho ông A 20.000.000 đồng và bà D 20.000.000 đồng là các khoản tiền mà ông bà đã đóng. Ông A xác định ông và bà D không tranh chấp quyền sử dụng đất cũng như không tranh chấp dân sự trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Tuyết D trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2024

Bà Lâm Thị Tuyết D được bà cô cho đất sử dụng từ năm 1995. Bà D sử dụng để trồng lúa. Do sự thay đổi vị trí con kênh dẫn nước nên một phần diện tích bà sử dụng giáp với đất của ông H, bị ông H lấn chiếm sử dụng từ năm 1996 đến nay. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà không đi kiện. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Nếu ông H muốn bà sang tên đất thì ông H phải trả tiền thuế trước đây bà D đã đóng trên diện tích đất ông H sử dụng 20.000.000đ. Trường hợp ông H không thống nhất bà sẽ khởi kiện tranh chấp tại Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại không được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên toà:

Ông Phạm Quốc M đại diện cho người khởi kiện giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và trình bày trong đơn khởi kiện. Ông Phạm Quốc M tranh luận phía ông Nguyễn Văn H sử dụng thửa đất 98, 734 ổn định lâu dài không tranh chấp nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn A và bà Lâm Thị Tuyết D về việc hoàn trả tiền đóng thủy lợi phí, ông Nguyễn Văn H không đồng ý. Vì việc ông A và bà D đóng tiền thủy lợi phí là để canh tác các thửa đất ông bà được cấp và sử dụng không riêng hai thửa 98 và 734.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L giữ nguyên ý kiến tại Công văn ngày 29/4/2025. Nay qua thực tế sử dụng và các chứng cứ do Tòa án thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày: Mặc dù từ năm 1996 ông và bà D không trực tiếp quản lý sử dụng các thửa đất 98 và thửa 734 nhưng nguồn gốc các thửa đất này trước đây ông và bà D được cấp quyền sử dụng đất. Ông A và bà D đã đóng tiền để thực hiện thủy lợi phí. Do ông H cậy tiền cậy quyền chiếm đoạt sử dụng các ông bà yếu thế nên không tranh chấp, chỉ yêu cầu trả lại khoản tiền đã đóng. Mong hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của luật tố tụng. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ đảm bảo. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Về thời hiệu, ông H trình bày năm 2024 ông mới phát hiện thửa đất 98, 734 ông sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A và bà Tuyết D nên khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thời hiệu đảm bảo.

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, ông H là người sử dụng thửa 98, 734. Ông A và bà Tuyết D cũng thừa nhận không sử dụng thửa đất 98, 734 từ năm 1996.

Ngày 30/01/2019 ông Nguyễn Văn A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 98; Ngày 07/3/2019 bà Tuyết D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 734.

Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà D và ông A là trái quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Hủy

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Nguyễn Văn A đối với thửa 98; cấp cho bà Lâm Thị Tuyết D đối với thửa 734.

Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, phạm vi giải quyết, thẩm quyền xét xử.

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện Sở T (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CQ 887109, sổ vào sổ cấp GCN: CS 01202 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 30/01/2019 cho ông Nguyễn Văn A đối với thửa 98, tờ bản đồ số 4; diện tích 688m², tại xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CQ 887221, sổ vào sổ cấp GCN: CS 01236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 07/3/2019 cho bà Lâm Thị Tuyết N thửa 734, tờ bản đồ số 4, diện tích 417m², tại xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Là yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Đương sự không tranh chấp quyền sử dụng đất nên căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án và Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện theo thủ tục Hành chính sơ thẩm.

[2] Về thời hiệu:

Ngày 14/8/2024 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện M có công văn trả lời cho ông Nguyễn Văn H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 98 cho ông Nguyễn Văn A và thửa 734 cho bà Lâm Thị Tuyết D.

Ngày 09/5/2024 ông Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thời hiệu 12 tháng đảm bảo.

[3] Về tư cách tổ tụng và việc ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn A thửa 98 và thửa 734 cho bà Lâm Thị Tuyết D nên xác định: ông Nguyễn Văn H là người khởi kiện; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L là người bị kiện; Ông Nguyễn Văn A và bà Lâm Thị Tuyết D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người khởi kiện ủy quyền hợp lệ; người bị kiện ủy quyền cho cấp phó đúng quy định tại khoản 3 Điều 60 được chấp nhận.

[4] Việc công khai chứng cứ, đối thoại

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại theo quy định tại các Điều 135, Điều 138 và Điều 139 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự.

Người đại diện cho người bị kiện có văn bản xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[6] Xét khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, thấy:

[6.1] Ngày 04/10/1997 ông Nguyễn Văn A được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành L 414021 (sổ vào sổ 00769 (QSDĐ/1211-LA) gồm 06 thửa, 6 thửa đất, trong đó có thửa 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688m², loại đất thổ.

[6.2] Ngày 09/9/1997, bà Lâm Thị Tuyết D được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành L 217563 (sổ vào sổ 06050QSDĐ/1211-LA) gồm thửa đất số 35, diện tích 11130 m²; thửa đất số 36, diện tích 17017 m²; thửa đất số 50, diện tích 7234 m² cùng tờ bản đồ số 4, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

[6.3] Ngày 15/9/2014, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV 156414, bốn thửa đất, trong đó có thửa 98 và 734, tờ bản đồ số 4 tại xã T, huyện M.

[6.4] Theo Trích lục bản đồ địa chính số ngày 10/7/2003, các thửa đất 98, 734 có vị trí tiếp giáp đường K.

[7] Ngày 04/01/2019, ông Nguyễn Văn A có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688 m², loại đất thổ thành loại đất số 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688 m², loại đất ở tại nông thôn.

Ngày 30/01/2019, Sở T (nay là Sở N) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ 887109 (sổ vào sổ CS 01202) cho ông Nguyễn Văn A thửa 98, tờ bản đồ số 4, diện tích 688m², loại đất ở nông thôn.

[8] Ngày 20/02/2019, bà Lâm Thị Tuyết D có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất số 35, diện tích 11130 m² thành thửa đất số 35, diện tích 10727m² (giảm 403 m² do mở rộng kênh); Thửa đất số 50, diện tích 7234 m² được tách thành thửa đất số 50, diện tích 5854 m² và thửa đất mới số 734, diện tích 417m².

[8.1] Ngày 07/3/2019, bà Lâm Thị Tuyết D được Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CQ 887221 (sổ vào sổ CS 01236) gồm: Thửa đất số 35, diện tích 10727 m²; thửa đất

số 36, diện tích 17017 m²; thửa đất số 50, diện tích 5854 m² và thửa đất số 734, diện tích 417 m², cùng mục đích chuyển tưới tiêu, dẫn nước.

[8.2] Ngày 25/6/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện M ký chỉnh lý thửa đất số 35, diện tích 10727 m² hợp với thửa đất số 50, diện tích 5854 m² thành thửa đất mới số 891, diện tích 16581 m² và được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 857703 (sổ vào sổ CS 02280) ngày 01/7/2021 cho bà Lâm Thị Tuyết D.

[8.3] Ngày 12/5/2022, bà Lâm Thị Tuyết D chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 36, diện tích 17017 m² cho ông Nguyễn Phi B và được Sở T ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 819857 (sổ vào sổ CS 02447) ngày 14/6/2022. Diện tích đất còn lại của bà Lâm Thị Tuyết D trong Giấy chứng của thửa đất số 734 là 417 m².

[9] Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, hiện trạng:

Thửa đất 734, TĐĐ 4 đang trồng lúa do ông Nguyễn Văn H sử dụng từ năm 1995 đến nay. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 nhưng năm 2019 lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Tuyết D.

Thửa 98 TĐĐ 4 đang trồng lúa do ông Nguyễn Văn H sử dụng từ năm 1995 đến nay. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 nhưng năm 2019 lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn A.

[9.1] Ông Nguyễn Văn A cũng thừa nhận ông Nguyễn Văn H sử dụng thửa 98 và thửa 734 từ năm 1996 nhưng trước đó ông A là người đóng thuế, thủy lợi phí, tạo nguồn làm kênh. Ông Nguyễn Văn A yêu cầu ông H trả lại cho ông 20.000.000đ gồm các khoản chi phí đã đóng.

[9.2] Tại Biên bản lấy lời khai bà Lâm Thị Tuyết D cũng thừa nhận từ năm 1996 ông Nguyễn Văn H đã sử dụng diện tích bà được cấp quyền sử dụng đất nhưng bà là người đóng thuế, thủy lợi phí, tạo nguồn làm kênh. Bà D cũng yêu cầu ông H trả lại cho bà 20.000.000đ các khoản chi phí đã đóng.

[10] Như vậy, việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D trong khi ông H là người trực tiếp quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng đối tượng theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 30/01/2019 cấp cho ông Nguyễn Văn A đối với thửa 98, TĐĐ 4, diện tích 688m²;

Riêng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 07/3/2019 cho bà Lâm Thị Tuyết D gồm có 4 thửa, nhưng chỉ có thửa 734, diện tích 417m² là cấp không đúng đối tượng. Hội đồng

xét xử chỉ hủy đối với thửa 734, diện tích 417m², loại đất trồng lúa nước.

[11] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn A và bà Lâm Thị Tuyết D buộc ông Nguyễn Văn H trả lại cho ông Nguyễn Văn A và bà Lâm Thị Tuyết D mỗi người 20.000.000đ các khoản chi phí thủy lợi đã đóng. Trường hợp các bên không thỏa thuận được, ông Nguyễn Văn A và Lâm Thị Tuyết D có quyền khởi kiện ông Nguyễn Văn H bằng vụ án dân sự theo quy định chung.

[12] Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ được chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng: người khởi kiện ông Nguyễn Văn H chịu, đã nộp xong.

[14] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (Nay là Sở N) phải chịu. Căn cứ Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, người khởi kiện không phải chịu, hoàn trả ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 193, khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (Nay là Sở N) về việc “Hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

- Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CQ 887109, sổ vào sổ cấp GCN: CS 01202 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 30/01/2019 cho ông Nguyễn Văn A đối với thửa 98, tờ bản đồ số 4; diện tích 688m², tại xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành CQ 887221, sổ vào sổ cấp GCN: CS 01236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 07/3/2019 cho bà Lâm Thị Tuyết N đối với phần thửa 734, tờ bản đồ số 4, diện tích 417m², tại xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: ông Nguyễn Văn H chịu 3.000.000 đồng, đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 300.000đ tiền tạm ứng, theo biên lai thu số 0000395 ngày 20/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (Nay là Sở N) phải chịu và nộp 300.000đ.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Công Khanh – Phạm Thị Lập

Trần Văn Quán

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- UBND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quán